

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
VAN LANG TECHNOLOGY
DEVELOPMENT AND INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: 43/BC-VLA
No: 43/BC-VLA

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2023
Ha Noi, March 3, 2023

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2022/Year 2022**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán

To: The State Securities Commission
The Stock Exchange

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*:
0102459018

- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 19.979.980.000 (Mười chín tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng Việt Nam)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*:

- Địa chỉ đăng ký kinh doanh/*Registered business address*: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Địa chỉ giao dịch/*Trading address*: P 1204, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Số điện thoại/*Telephone*: 0246.6555854

- Số fax/*Fax*:

- Website: www.vla.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: VLA

- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

+ CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được thành lập theo quyết định số 1338/QĐ-TCNS ngày 15/11/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty thành lập dưới hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số: 0103020568 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 23/01/2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04/11/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 19/01/2010

+ Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số: 0102459018 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/08/2016, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 30/08/2018, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 18/03/2021, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/10/2021, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 18/03/2022, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 11/07/2022.

+ Từ khi thành lập năm 2007, đến nay CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang đã thực hiện tăng vốn điều lệ hai lần như sau: Ngày 30/11/2009, công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 10.800.000.000 đồng; ngày 09/05/2022 công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 10.800.000.000 đồng lên 19.979.980.000 đồng

+ Ngày 19/07/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận số 64/GCN-SGDHN chấp thuận cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang (MCK: VLA) được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

+ Ngày 04/08/2011, mã chứng khoán VLA chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

+ Ngày 04/07/2022, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang (MCK: VLA)

- Các sự kiện khác/ Other events:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Đào tạo kỹ năng tư duy, marketing, bán hàng, giao tiếp, lãnh đạo, quản lý tài chính, quản lý thời gian; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng
2	Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tang, quản lý xuất bản, siêu thị
3	Xây dựng hệ thống website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên Internet
4	Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, thiết bị văn phòng, đại lý cung cấp phần mềm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

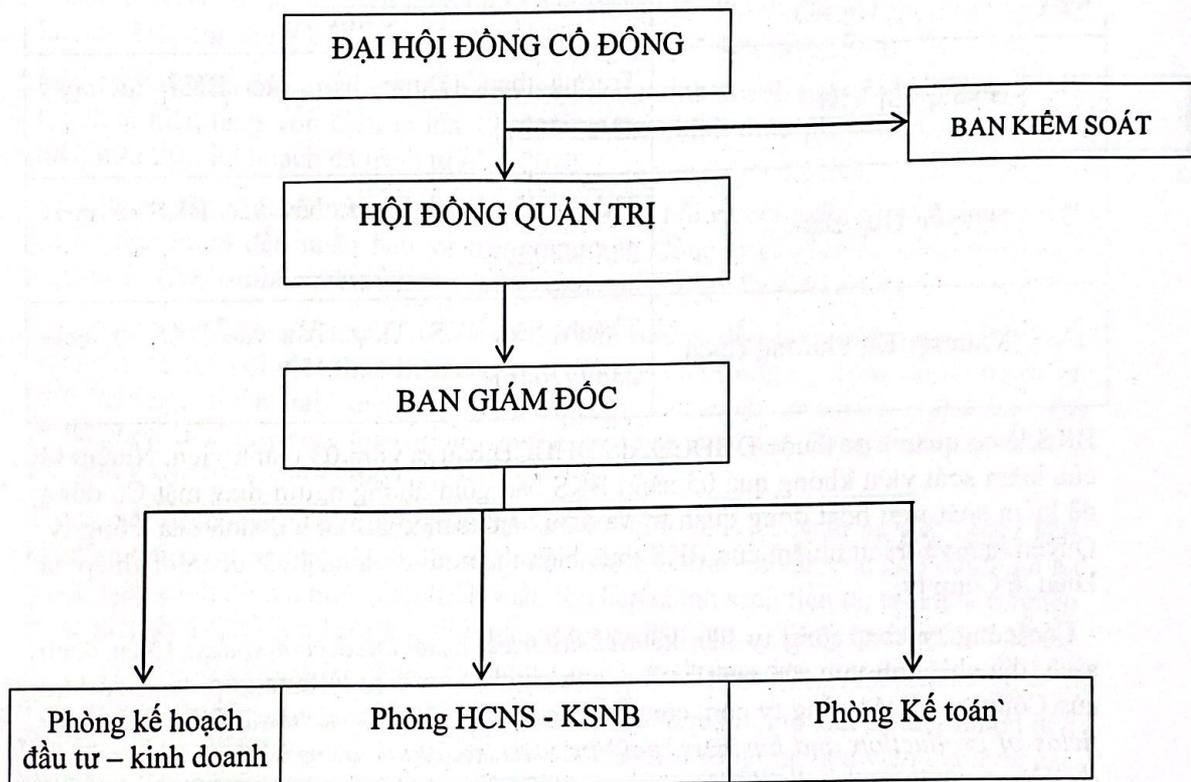
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính là Hà Nội và một số Thành phố lớn trong phạm vi toàn quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY CÔNG TY



- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

- Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20/07/2020)
2	Nguyễn Hữu Thuận	Phó CT.HĐQT – kiêm GD (Bổ nhiệm ngày 30/07/2021)

3	Nguyễn Văn Đức	TVHĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/07/2021)
4	Trần Quang Thịnh	TVHĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/07/2021)
5	Phạm Đăng Hoàng Huy	TVHĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 23/09/2021)

Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên. Thành viên hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHCĐ. Quyền và Nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát (BKS)

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Hoàng Thị Việt	Trưởng ban (Được bầu vào BKS từ ngày 23/09/2021)
2	Nguyễn Huy Bảo	Thành viên BKS (Được bầu vào BKS từ ngày 23/09/2021)
3	Khuong Thị Phương Uyên	Thành viên BKS (Được bầu vào BKS từ ngày 23/09/2021)

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm. BKS bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS thực hiện theo qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Không có

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*.

Năm 2023, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang hướng tới mục tiêu:

- + Tiếp tục mở rộng hoạt động đào tạo là thế mạnh của công ty.
- + Đẩy mạnh công tác tư vấn, đầu tư kinh doanh bất động sản, thị trường chứng khoán.

- + Duy trì hợp tác trong lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm.
- + Củng cố, hoàn thiện tổ chức nhân sự
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

Năm 2023: Ngoài việc duy trì công tác đào tạo, Công ty tập trung mạnh vào công tác đầu tư kinh doanh bất động sản, thị trường chứng khoán và các dịch vụ khác để tăng doanh thu đảm bảo đời sống việc làm thu nhập cho CBCNV và lãi cổ tức của các cổ đông.

Ngoài ra, mở rộng thêm lĩnh vực Tư vấn đầu tư bất động sản; triển khai hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà hàng đối với khách sạn tại Tổ 103 – Khu Cao Sơn – Phường Cẩm Sơn – TP. Cẩm Phả - Quảng Ninh. Nghiên cứu triển khai dịch vụ tư vấn tài chính bổ sung cho nghiệp vụ kinh doanh, môi giới bất động sản, tư vấn cấu trúc doanh nghiệp và các dịch vụ tài chính khác liên quan đến thị trường tài chính, chứng khoán. Tiếp tục đóng góp, tạo việc làm và phát triển xã hội, cộng đồng

Bên cạnh đó, để đáp ứng được nhu cầu hoạt động kinh doanh năm 2023, Công ty tiếp tục thực hiện tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng theo hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu theo kế hoạch đã trình từ năm 2022

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. *Các rủi ro/Risks:* (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

Trong bối cảnh thế giới như hiện nay, năm tới kinh tế Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Bên cạnh đó, xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia; thời tiết diễn biến bất thường ở nhiều châu lục... Tăng trưởng kinh tế thế giới được các tổ chức quốc tế dự báo giảm so với các dự báo đưa ra trước đó.

Thị trường bất động sản năm 2023 sẽ có sự thanh lọc mạnh mẽ ảnh hưởng nhiều đến nhu cầu đầu tư kinh doanh của các nhà đầu tư, dẫn đến số lượng học viên tham dự các khóa học liên quan đến marketing, tư vấn BĐS ...

II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year*

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp, .../*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

Những kết quả đã đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022:

+ Đối với hoạt động kinh doanh Đào tạo: Trong năm 2022 Công ty đã đẩy mạnh công tác đào tạo và đã thực hiện đào tạo thành công các khóa học: Kỹ năng Marketing online; Trí tuệ Đầu tư 4.0; 7 nguyên tắc đầu tư BĐS; Bí quyết huy động vốn hiệu quả; Marketing Bất động sản; Trí tuệ doanh nghiệp; Bất động sản nào sống tốt trong đại dịch Covid

+ Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm: Do lĩnh vực kinh doanh phần mềm hiện nay không phải thế mạnh của Công ty, sản phẩm khó cạnh tranh với các công ty lớn, nên công ty đã chuyển giao cho công ty Vsoft thuê.

+ Đối với hoạt động đầu tư tài chính: Trong năm Công ty đã mạnh dạn đầu tư chứng khoán trong hạn mức tài chính cho phép theo qui định của Điều lệ, do Thị trường chứng khoán bấp bênh, lên xuống thất thường nên hiệu quả mang lại chưa như mong muốn.

+ Đối với hoạt động kinh doanh Bất động sản: Trong năm do chính sách tiền tệ vào bất động sản của nhà nước cũng đã ảnh hưởng đến thị trường bất động sản cả nước nên để tránh rủi ro công ty mới thực hiện mua được 1 khách sạn tại Quảng Ninh giá trị 18 tỷ đồng, tại Phường Cẩm Sơn – Cẩm Phả - Quảng Ninh. Bất động sản này đã được ký kết hợp đồng ngày 20/12/2022 có xác nhận của công chứng, hiện này đang thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu về Công ty VLA theo qui định.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Chỉ tiêu	NQ ĐHĐCĐ năm 2022	Kết quả thực hiện 2022	Tỷ lệ hoàn thành
1.	Tổng doanh thu (bao gồm DTTC, DT khác)	30.000.000	36.801.816	123%
2.	Tổng chi phí	23.750.000	32.207.659	136%
3.	Lợi nhuận trước thuế	6.250.000	4.594.157	74%
4.	Chi phí thuế TN hiện hành	1.250.000	954.950	76%
5.	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	5.000.000	3.639.206	73%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific

reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch %	So sánh cùng kỳ %
1	Doanh thu	Triệu đồng	14.543.041	30.000.000	36.801.816	123%	153%
2	Lợi nhuận trước thuế	“	7.044.720	6.250.000	4.594.157	74%	-35%
3	Thuế	“	1.336.899	1.250.000	954.950	76%	-29%
4	Lợi nhuận sau thuế	“	5.667.821	5.000.000	3.639.207	73%	-36%
5	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	34%	26%	19%	74%	-43%
6	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	%	65%	31%	23%	35%	-65%

+Doanh thu đạt 123% so với kế hoạch và 153% so với thực hiện năm trước, nguyên nhân do trong năm công ty mở rộng hoạt động đào tạo.

+Lợi nhuận trước thuế đạt 74% so với kế hoạch và giảm 35% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do chi phí marketing các khóa học chiếm tỷ trọng lớn trên 80% theo đó lợi nhuận kinh doanh và các chi tiêu thuế cũng giảm tương ứng.

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên HĐQT - Giám	10%

		đốc	
2	Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	6,71%
3	Lê Thị Chung	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 08/04/2022)	0 %
4	Hà Diệu Ngọc	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm KTT ngày 08/04/2022)	0 %

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Giám đốc thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management in the year).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Lê Thị Chung	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 08/04/2022
2	Hà Diệu Ngọc	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm KTT ngày 08/04/2022

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2022 là 18 người, các chính sách đối với người lao động được thể hiện tại các Quy chế nội bộ, Quy chế về tiền lương, tiền thưởng của công ty và không có thay đổi trong năm. Cơ cấu lao động như sau:

- Cơ cấu lao động phân theo trình độ

STT	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Số người
1	Trình độ đại học và trên đại học	18
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	0
3	Công nhân kỹ thuật	0
4	Lao động phổ thông	0
Tổng số		18

- Cơ cấu lao động phân theo Hợp đồng lao động

STT	Hợp đồng lao động	Số người
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	17
2	Hợp đồng xác định thời hạn	1
3	Hợp đồng thời vụ	0
Tổng số		18

Công ty luôn nỗ lực tạo điều kiện cho CBCNV có thu nhập ổn định. Năm 2022, mức thu nhập bình quân đầu người toàn Công ty là 10.702.826 đồng/người/tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

Trong năm, công ty đã thực hiện đầu tư mua bất động sản với thông tin chi tiết như sau:

- Địa chỉ thửa đất: Tổ 103 - Khu Cao Sơn - Phường Cẩm Sơn - TP. Cẩm Phả - Quảng Ninh

- Diện tích: 200m²

- Mua sở hữu tài sản với mục đích chính sử dụng một phần làm văn phòng đại diện của VLA tại Cẩm Phả, ngoài ra vẫn duy trì các hạn mục kinh doanh chính như nhà hàng, khách sạn, dịch vụ lưu trú. Hiện nay, công ty vẫn đang hoàn thiện các thủ tục để chuyển đổi sở hữu.

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

Không có

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2021	Năm/ Year 2022	% tăng giảm/ % change
----------------------	----------------	----------------	-----------------------

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	25.260.223.188	26.214.270.994	4%
Doanh thu thuần/Net revenue	14.541.841.561	36.788.399.235	153%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from business activities	7.035.083.217	8.791.232.647	25%
Lợi nhuận khác/Other profits	(30.362.407)	(4.197.075.616)	13723%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	7.004.720.810	4.594.157.031	-34%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	5.667.821.303	3.639.206.804	-36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	5%	0	

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2021	Năm/ Year 2022	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	4.0	3	

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	4.0	2.91	
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0.18	0.10	
+Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	0.22	0.11	
3. Chi tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	-	-	
+ Vòng quay tổng tài Sản/Total asset turnover: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)	0.57	1.4	
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0.39	0.10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0.27	0.15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (profit after tax/ total asset Ratio)	0.224	0.14	

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from business activities/ Net revenue Ratio)	0.847	0.24	
--	-------	------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần: 1.997.998 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.997.998 cổ phần
- Không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

- Cơ cấu cổ đông được thống kê theo danh sách sở hữu chốt ngày: 17/02/2023

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
I.	Cổ đông lớn, nhỏ	84	1.997.998	100
1	Cổ đông lớn	4	1.014.540	50,77
2	Cổ đông nhỏ	80	983.458	49,23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

II.	Cổ đông tổ chức, cá nhân	84	1.997.998	100
1	Cổ đông tổ chức	4	236.000	11,81
2	Cổ đông cá nhân	80	1.761.998	88,19
III.	Cổ đông trong nước, nước ngoài	84	1.997.998	100
1	Cổ đông trong nước	77	1.933.393	96,77
2	Cổ đông nước ngoài	7	64.605	3,23
IV.	Cổ đông nhà nước, khác	0	0	0
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông khác	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

- Vốn điều lệ khi thành lập: 3.000.000.000 đồng

STT	Đợt tăng	Thời điểm	Giá trị	Đối tượng chào bán
1	Lần 1 (Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)	Tháng 11/2009	Tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 10.800.000.000 đồng	Cổ đông hiện hữu
2	Lần 2 (Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu)	Tháng 9/2022	Tăng vốn điều lệ từ 10.800.000.000 đồng lên 19.970.980.000 đồng	Cổ đông hiện hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

- Không có

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

- Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Không có báo cáo về nguyên vật liệu do đặc thù công ty là bán phần mềm và giáo dục, đào tạo

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Không có báo cáo về nguyên vật liệu do đặc thù công ty là bán phần mềm và giáo dục, đào tạo

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Các chỉ số về năng lượng trong hoạt động sản xuất

Tổng năng lượng được sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2022	
Điện (kwh)	6878 kwh	

--	--	--

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Không có báo cáo

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

- Không có báo cáo về sáng kiến tiết kiệm năng lượng

6.4. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

Tổng lượng nước tiêu thụ	Năm 2022	
Nước máy (m ³)	55 m ³	

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Không có

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

- Số lượng lao động: 18 người

- Mức lương trung bình: 10.702.826 đồng/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Hàng năm, công ty thực hiện những ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ phép trong năm được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm viếng hiếu hi, thăm quan, nghỉ mát cho CBCNV và thực hiện các khoản khen thưởng, phúc lợi cho người lao động căn cứ vào quy chế nội bộ, quy chế lương thưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực và hiệu quả lao động của CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cán bộ nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Có chương trình cử CBCNV tham gia các khóa học chuyên ngành Marketing, quản trị doanh nghiệp, phát triển các kỹ năng của bản thân.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Không thực hiện

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

- Không có

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/*Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

+ Doanh thu đạt 123% so với kế hoạch và 153% so với thực hiện năm trước, nguyên nhân do trong năm công ty mở rộng hoạt động đào tạo.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 74% so với kế hoạch và giảm 35% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do chi phí marketing các khóa học chiếm tỷ trọng lớn trên 80% theo đó lợi nhuận kinh doanh và các chỉ tiêu thuế cũng giảm tương ứng.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Trong năm 2022 Công ty đã đẩy mạnh công tác đào tạo và đã thực hiện đào tạo thành công các khóa học: Kỹ năng Marketing online; Trí tuệ Đầu tư 4.0; 7 nguyên tắc đầu tư BDS; Bí quyết huy động vốn hiệu quả; Marketing Bất động sản; Trí tuệ doanh nghiệp; Bất động sản nào sống tốt trong đại dịch Covid...

Đồng thời, trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, do chính sách tiền tệ vào bất động sản của nhà nước cũng đã ảnh hưởng đến thị trường bất động sản cả nước nên để tránh rủi ro công ty mới thực hiện mua được 1 khách sạn tại Quảng Ninh giá trị 18 tỷ đồng, tại Phường Cẩm Sơn – Cẩm Phả - Quảng Ninh.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

Tổng giá trị tài sản của công ty đến 31/12/2022 là 26.214.270.994 VNĐ, tăng so với 31/12/2021 (25.260.223.188 VNĐ) là 3,64 %.

Công ty không có các khoản công nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts.*

Tổng nợ phải trả của công ty đến 31/12/2022 là 2.497.397.094 VNĐ, giảm so với 31/12/2021 (4.529.199.666 VNĐ) là 44,86 %.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Công ty không có nợ phải trả quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.*

Không có

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future*

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao thực hiện theo từng thời kỳ

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

Thống nhất với ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và ý kiến chấp nhận toàn phần

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Không có

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues*

Công ty luôn đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thực hiện tốt Quy chế nội bộ, Quy chế lương, thưởng của công ty.

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Thực hiện tốt các chủ trương và chính sách phát triển của thành phố và địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of*

Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Ban điều hành và Cán bộ nhân viên công ty đã bám sát theo chủ trương, chỉ đạo của HĐQT đề ra về các hoạt động chung của công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance

Trong năm qua, các thành viên Ban Giám đốc đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban giám đốc đã tổ chức 01 kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và 1 kỳ ĐHCĐ bất thường năm 2022.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang sẽ tiếp tục giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/07/2020)	181.485	9,08	
2	Nguyễn Hữu Thuận	PCT. HĐQT – GD (Bổ nhiệm ngày 30/07/2020)	199.800	10	
3	Nguyễn Văn Đức	TVHĐQT (Bổ nhiệm ngày)	4055	0,2	

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

		30/07/2020)			
4	Trần Quang Thịnh	TVHĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/07/2020)	47.545	2,38	
5	Phạm Đăng Hoàng Huy	TVHĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 23/09/2020)	370	0,01	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the *committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The *list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

ST T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết 26/2022/HĐQT-VLA	07/02/2022	Phê duyệt phương án đồng ý Ủy quyền cho Ban điều hành đầu tư cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán với tổng giá trị đầu tư không quá 35%/Tổng giá trị tài sản ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
2	Nghị quyết 35/2022/NQHĐQT-VLA	28/02/2022	Phê duyệt phương án trả cổ tức năm 2021 bằng tiền.
3	Nghị quyết 40/2022/NQ-HĐQTVLA	10/03/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết 02/2022/NQ-ĐHĐCĐVLA.
4	Nghị quyết 51/2022/NQ-HĐQTVLA	29/03/2022	Thông qua bổ sung nội dung triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

5	Nghị quyết 58/2022/NQ-HĐQTVLA	01/04/2022	Thông qua tờ trình về việc tiếp nhận và bổ nhiệm bà Vũ Thị Hiền Nhung – Kỹ sư Xây dựng giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư – Kinh doanh kể từ ngày 01/04/2022.
6	Quyết định 59/2022/QĐ-HĐQT	01/04/2022	Bổ nhiệm bà Vũ Thị Hiền Nhung giữ chức Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư - Kinh doanh.
7	Nghị quyết 62/2022/NQ-HĐQTVLA	01/04/2022	Thông qua việc ký hợp đồng với công ty TNHH Trường đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK là bên liên quan do bà Vũ Thị Hiền Nhung làm người đại diện theo pháp luật Ủy quyền cho Giám đốc thực hiện thương thảo và ký hợp đồng với công ty TNHH Trường đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK.
8	Nghị quyết 68/2022/NQ-HĐQTVLA	08/04/2022	Miễn nhiệm bà Lê Thị Chung – Kế toán trưởng của công ty từ ngày 08/04/2022. Tiếp nhận và bổ nhiệm bà Hà Diệu Ngọc: Cử nhân Kế toán – Học viện tài chính làm Kế toán trưởng của công ty từ ngày 08/04/2022 trở đi.
9	Quyết định 69/2022/QĐ-VLA	08/04/2022	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Lê Thị Chung.
10	Quyết định 70/2022/QĐ-VLA	08/04/2022	Bổ nhiệm bà Hà Diệu Ngọc giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 08/04/2022.
11	Nghị quyết 74/2022/NQ-HĐQTVLA	19/04/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng (ngày 09/05/2022) thực hiện quyền nhận phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
12	Nghị quyết 82/2022/NQ-HĐQTVLA	16/05/2022	Thông qua Kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu Thông qua nội dung thay đổi “Vốn điều lệ” của công ty tại Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Thông qua việc Đăng ký bổ sung và Niêm yết bổ sung cổ phiếu.

13	Nghị quyết 88/2022/NQ-HĐQTVLA	19/05/2022	Điều chỉnh nội dung Nghị quyết 82/2022/NQ-HĐQTVLA ngày 16/05/2022.
14	Nghị quyết 97/2022/NQ-HĐQTVLA	06/06/2022	Sửa đổi điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
15	Nghị quyết 106/2022/NQ-HĐQTVLA	22/07/2022	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua: - Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ - Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính - Phương án thành lập chi nhánh tại TP.HCM.
16	Nghị quyết 124/2022/NQ-HĐQTVLA	16/09/2022	Sửa đổi điều lệ (Mục ngành nghề kinh doanh chính).
17	Nghị quyết 129/2022/NQ-HĐQTVLA	28/09/2022	Thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
18	Nghị quyết 132/2022/NQ-HĐQTVLA	03/10/2022	Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.
19	Nghị quyết 143/2022/NQ-HĐQTVLA	21/11/2022	Thông qua phương án mua sắm, đầu tư tài sản cố định là các bất động sản
20	Nghị quyết 146/2022/NQ-HĐQTVLA	16/11/2022	Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
21	Nghị quyết 149/2022/NQ-HĐQTVLA	02/12/2022	Thông qua việc ký hợp đồng sử dụng tác phẩm với ông Đặng Trọng Khang (cổ đông lớn và là người có liên quan của công ty)
22	Nghị quyết 150/2022/NQ-HĐQTVLA	22/12/2022	Thông qua việc ký hợp đồng với người có liên quan là thành viên HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Báo cáo về việc giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;
 - Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;
 - Giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*
- Không có

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Hoàng Thị Việt	Trưởng ban	0	0	
2	Nguyễn Huy Bảo	Thành viên BKS	0	0	
3	Khuông Thị Phương Uyên	Thành viên BKS	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' /Audit Committee's meetings, their contents and results*).

Số buổi họp của Ban kiểm soát trong năm 2022

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ dự họp	Ghi chú
-----	----------------	---------	----------------------------	---------------------	--------------	---------

			BKS			
1	Hoàng Thị Việt	Trưởng BKS	23/09/2021	2/2	100%	
2	Nguyễn Huy Bảo	Thành viên BKS	23/09/2021	2/2	100%	
3	Khuông Thị Phương Uyên	Thành viên BKS	23/09/2021	2/2	100%	

Trong năm 2022, Ban kiểm soát nhận định công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ áp dụng thống nhất trong toàn công ty nhằm tăng cường công tác quản trị kinh doanh. Trong năm qua, công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành trong năm của HĐQT và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát không cần đưa ra quyết định nào về việc điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

STT	Thành viên HĐQT & BKS	Thù lao năm 2022	Lương và thu nhập khác	Tổng thu nhập

Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Thành Tiến	4.500.000	1.354.784.255	1.359.284.255
2	Nguyễn Hữu Thuận	3.600.000	284.586.500	288.186.500
3	Nguyễn Văn Đức	2.700.000	84.551.250	87.251.250
4	Phạm Đăng Hoàng Huy	2.700.000	0	2.700.000
5	Trần Quang Thịnh	2.700.000	0	2.700.000
	Tổng cộng	16.200.000	1.723.922.005	1.740.122.005
Ban Kiểm soát				
1	Hoàng Thị Việt	3.600.000	216.940.658	220.540.658
2	Nguyễn Huy Bảo	2.700.000		2.700.000
3	Khuong Thị Phương Uyên	2.700.000		2.700.000
	Tổng cộng	9.000.000	216.940.658	225.940.658
Thư ký HĐQT				
1	Nguyễn Văn Thọ	2.700.000	174.201.669	176.901.669
	Tổng cộng	2.700.000	174.201.669	176.901.669

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kì		Số cổ phiếu sở hữu cuối kì		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Thành Tiến	CT.HĐQT	98.100	9,08	181.485	9,08	Nhận thêm cổ phần từ hoạt động

								phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
2	Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn	269.800	24,98	499.130	24,98		Nhận thêm cổ phần từ hoạt động phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
3	CTCP Bất động sản cho thuê Minh Bảo Tín	Tổ chức có liên quan tới cổ đông lớn Đặng Trọng Khang	50.000	4,63	50.000	2,50		Giảm tỷ lệ sở hữu
3	Nguyễn Hữu Thuận	P.CT HĐQT kiêm GD	108.000	10	199.800	10		Nhận thêm cổ phần từ hoạt động phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
4	Nguyễn Văn Đức	TV.HĐQT	0	0	4655	0,23		Đầu tư
5	Nguyễn Văn Thọ	Thư ký HĐQT	43.500	4,03	80.475	4,03		Nhận thêm cổ phần từ hoạt động phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
6	Trần Thị Thanh Hoa	Người có liên quan của	47.600	4,41	88.060	4,41		Nhận thêm cổ phần từ

		CT.HĐQT					hoạt động phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
7	Nguyễn Thu Hà	Phó GD	72.500	6,71	134.125	6,71	Nhận thêm cổ phần từ hoạt động phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
8	Vũ Thị Hiền Nhung	TP. KHĐT KD	32.600	3,02	60.310	3,02	Nhận thêm cổ phần từ hoạt động phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
9	Trần Quang Thịnh	TV. HĐQT	25.700	2,38	47.545	2,38	Nhận thêm cổ phần từ hoạt động phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
10	Phạm Đăng Hoàng Huy	TV.HĐQT độc lập	0	0	370	0,02	Đầu tư
11	Đào Mộng Anh	Người liên quan của TV.HĐQT Phạm Đăng Hoàng Huy	0	0	1759	0,88	Đầu tư

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung hợp đồng	Ghi chú
1	Bà Vũ Thị Hiền Nhung	Trưởng phòng KH-ĐTKD	01/04/2022	<p>Thông qua việc ký hợp đồng nguyên tắc số 02/2022/HDDV-VLA-NIK và 03/2022/HDDV-VLA-NIK với công ty TNHH Trường đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK là bên liên quan do bà Vũ Thị Hiền Nhung làm người đại diện theo pháp luật.</p> <p>Giá trị hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.</p> <p>HĐQT ủy quyền cho Giám đốc thực hiện thương thảo và ký hợp đồng với công ty TNHH Trường đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK</p>	
2	Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn sở hữu trên 10% cổ phần	02/12/2022	Hợp đồng sử dụng tác phẩm viết “Bài nghiên cứu về phương pháp đầu tư chứng khoán theo luật nhân quả (Causality Investing)” của tác giả Đặng Trọng Khang.	
3	Ông	CT. HĐQT	22/12/2022	Hợp đồng với người có liên	

	Nguyễn Thành Tiến			quan là thành viên HĐQT.	
4	Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc – Phó CT. HĐQT	22/12/2022	Thông qua việc ký hợp đồng với người có liên quan là thành viên HĐQT	
5	Ông Phạm Đảng Hoàng Huy	Thành viên HĐQT	22/12/2022	Thông qua việc ký hợp đồng với người có liên quan là thành viên HĐQT	
6	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT	22/12/2022	Thông qua việc ký hợp đồng với người có liên quan là thành viên HĐQT.	
7	Ông Trần Quang Thịnh	Thành viên HĐQT	22/12/2022	Thông qua việc ký hợp đồng với người có liên quan là thành viên HĐQT	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

Năm 2022, HĐQT công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị nội bộ công ty. Bao gồm các quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến kiểm toán viên của công ty TNHH kiểm toán TTP về Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ứng trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán được đăng tải đầy đủ tại địa chỉ: www.vla.vn > mục “trang chủ” > “Dành cho cổ đông” > “Báo cáo tài chính năm 2022”.

Nơi nhận:

Recipients:

-;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE
COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



NGUYỄN HỮU THUẬN